

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 73 TC/TCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 1991

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành Chỉ thị số 313/CT ngày 14/10/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về công tác thuế nông nghiệp cuối năm 1991 và năm 1992.

Thi hành chỉ thị số 313 - CT, ngày 14/10/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về công tác thuế nông nghiệp cuối năm 1991 và năm 1992, Bộ Tài chính hướng dẫn như sau:

1. Tổ chức thu thuế nông nghiệp và thu nợ quý 4 năm 1991:

a/ Căn cứ vào thuế ghi thu của sổ bộ thuế năm 1991, số thuế đã thu, số thuế được miễn theo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, số thuế thu thừa năm trước và số nợ thuế các năm trước... để xác định nhiệm vụ thu thuế còn lại năm 1991.

b/ Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố giao nhiệm vụ thu cho các huyện, quận, thị xã, Ủy ban nhân dân xã thông báo thuế cho từng tổ chức và cá nhân nộp thuế; tổ chức các điểm thu thuế bằng thóc và các bàn thu tiền thuế theo từng thôn, ấp thuận lợi cho nông dân nộp thuế và đảm bảo thu thuế nhanh gọn.

c/ Những địa phương mùa màng bị thiệt hại nặng phải khẩn trương, xác định:

- Phạm vi và mức độ thiệt hại của từng thửa ruộng, từng cánh đồng của từng thôn, ấp, xã;

Diện tích thiệt hại và mức độ thiệt hại của từng hộ nằm trong phạm vi thiệt hại.

Dự kiến giảm, miễn thuế năm 1991 và lập hồ sơ trình Ủy ban nhân dân và cơ quan thuế cấp trên xét duyệt trong năm 1991.

Những địa phương mùa vụ thu hoạch bình thường hoặc không có biến động lớn về thời tiết thì không đặt vấn đề giảm, miễn thuế do thiên tai gây ra.

2. Đối với nợ thuế từ năm 1990 về trước:

Cơ quan thuế cần kiểm tra các tổ chức cá nhân nợ thuế và phân định nợ thuế theo 2 thời kỳ:

a/ Nợ thuế từ năm 1988 trở về trước, tiếp tục xử lý theo Quyết định số 153/ CT ngày 6/6/1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng;

- Phần trả nợ trung ương, nếu chưa thanh toán, nay phải trả đủ trong năm 1991.
- Phần nợ thuế thu cho ngân sách địa phương, phải xem xét và xử lý cụ thể từng trường hợp để thu hết trong năm 1991 hoặc khấu trừ thuế vào số thuế còn được miễn theo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trường hợp không xác định được đối tượng nợ thuế, hoặc đối tượng nợ thuế ở vùng cao, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng thường xuyên bị thiên tai, đời sống nông dân có nhiều khó khăn không có khả năng trả nợ thuế; xem xét cụ thể từng trường hợp trình UBND tỉnh thành phố xét giảm hoặc xóa nợ thuế, nhưng phải công khai trong nhân dân.

b/ Nợ thuế trong 2 năm 1989 - 1990 phải thu trong năm 1991. Các trường hợp không xác định được đối tượng nợ gồm: các nông trường quốc doanh, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất đã giải thể, ban quản lý, ban giám đốc nông trường không còn quản lý và điều hành sản xuất; hộ xã viên, nông trường viên trực tiếp nộp thuế cho Nhà nước, hộ nông dân di chuyển đi huyện khác, tỉnh khác, hoặc đối tượng nộp thuế quá khó khăn như: đồng bào ở vùng cao, đồng bào dân tộc ít người, vùng thường xuyên bị thiên tai, thiên tai liên tục các năm trước và thiệt hại nặng trong năm 1991.

Phải kiểm tra cụ thể và lập hồ sơ từng trường hợp để báo cáo Bộ Tài chính trình Hội đồng Bộ trưởng xem xét.

c/ Các nông trường trạm trại quốc doanh, kể cả do lực lượng vũ trang (quân đội và công an) và trường học quản lý gồm: nông trường, trạm trại, trại cải tạo, đất các trường học dùng vào sản xuất nông nghiệp ... , các năm trước, chưa nộp thuế nông nghiệp nay phải kê khai và nộp thuế tại địa phương nơi có trụ sở của đơn vị đóng. Toàn bộ số thuế chưa nộp của các năm trước (1989 - 1990) của các đơn vị này, coi như nộp thuế, phải nộp vào ngân sách Nhà nước năm 1991. Đơn vị nào không kê khai, không nộp thuế tại địa phương, cơ quan thuế và Ủy ban nhân dân sở tại phải

báo cáo trên xử lý. Trường hợp đặc biệt báo cáo Bộ Tài chính và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng xử lý ngay trong năm 1991.

3. Thực hiện miễn thuế nông nghiệp theo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kết thúc vào cuối năm 1991.

a/ Những trường hợp miễn sai đối tượng sau đây phải truy thu nộp vào ngân sách trong năm 1991.

- Các nông trường, trạm trại quốc doanh, khi các đơn vị này vẫn còn hoạt động và quản lý sản xuất.
- Các hộ phi nông nghiệp hoặc các hộ tư nhân là nông dân kinh doanh nông nghiệp, nhưng thuê mướn nhân công là chủ yếu.

b/ Các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất hoặc xã, phường sử dụng số thuế được miễn của dân vào việc khác hoặc thu vào ngân sách xã, mà chưa được đại hội xã viên đồng ý, nay phải thu lại để miễn cho từng hộ xã viên.

c/ Các địa phương phải quyết toán và báo cáo kết quả thực hiện miễn thuế nông nghiệp theo di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Bộ Tài chính và Hội đồng Bộ trưởng trong quý I năm 1992.

4. Lập bộ thuế nông nghiệp năm 1992: phải được tiến hành ngay từ cuối năm 1991 đầu năm 1992.

a/ Hộ nông dân, hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp, trạm trại quốc doanh bao gồm cả nông trường trạm trại do lực lượng vũ trang và trường học quản lý đều phải kê khai diện tích tính thuế, theo hướng dẫn của cơ quan thuế địa phương.

Đối với những đơn vị, tổ chức cá nhân không kê khai, cơ quan thuế báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp và được phép ấn định căn cứ tính thuế và thực hiện thu thuế theo đúng chính sách.

b/ Căn cứ vào kê khai của các hộ nộp thuế, căn cứ vào tài liệu về ruộng đất của ngành quản lý ruộng đất; cơ quan thuế huyện chỉ đạo các xã lập sổ thuế năm 1992. Trước khi trình Ủy ban nhân dân huyện duyệt, Ủy ban nhân dân xã phải thông báo sổ thuế công khai cho nhân dân biết và các hộ nộp thuế xác nhận. Thời hạn niêm yết là 10 ngày.